

PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ VIỆC ĐỔI MỚI KHÁI NIỆM THUẬT NGỮ

PTS. NGUYỄN VĂN T

Các khái niệm, thuật ngữ khoa học là những tế bào, những đơn vị cơ bản duy. Không có các khái niệm, thuật ngữ, hoạt động tư tưởng của con người được thức phán đoán và suy luận không thể diễn ra được. Việc phát triển, làm chín các khái niệm, thuật ngữ có ý nghĩa cấp thiết trong thời đại "bùng nổ thông tin" nay. Hơn nữa, công tác dạy và học triết học ở các trường Đại học và Cao đẳng đòi hỏi phải biên soạn một cuốn khái niệm, thuật ngữ phản ánh chính xác thực tiễn xã hội. Song, trước khi biên soạn cuốn khái niệm, thuật ngữ mới, chúng ta cần làm rõ những vấn đề như: khái niệm, thuật ngữ là gì? Bản chất và cấu trúc của nó ra sao? Có các loại khái niệm như thế nào? v.v...

Trong các tài liệu triết học Mác xít, khái niệm được coi là một trong những thức cơ bản của tư duy, phản ánh dưới hình thức khái quát các sự vật, hiện tượng những mối liên hệ giữa chúng bằng cách cố định những đặc tính chung bản chất thể hiện dưới một từ hay một tập hợp từ nhất định (1).

Cùng với các khái niệm, trong nhận thức khoa học, người ta còn dùng đến thuật ngữ. Thuật ngữ - theo tiếng La tinh - terminus, có nghĩa là giới hạn, ranh giới cuối cùng. Thuật ngữ theo nghĩa triết học, đó là một từ, hay tổ hợp làm rõ một khái niệm được xác định một cách nghiêm ngặt và được đặc trưng bằng tính đơn trị trong giới hạn của một khoa học hay một nhóm khoa học có quan hệ gần gũi. Trong Cơ học có các thuật ngữ "Ma sát", "Năng lượng" v.v.. trong luật học - "Tội phạm", "Kiểm soát viên", "Dự thẩm viên" v.v.. trong triết học - "Vấn đề cơ bản của triết học", "Phương thức sản xuất", "Hình thái kinh tế-xã hội" v.v..

Như vậy, thuật ngữ cũng là khái niệm bao quát đặc tính chung, bản chất của đối tượng và được biểu hiện bằng ngôn ngữ. Song các khái niệm và thuật ngữ khác với các khái niệm không phải là thuật ngữ ở chỗ chúng dùng để biểu thị một cách chính xác và đơn nghĩa những dữ liệu khoa học bằng một từ hay tổ hợp từ xác định mà trong ngôn ngữ thông thường không có tên gọi tương ứng. Sự khác nhau giữa

(*) Đại học Sư phạm Hà nội I

ng là thuật ngữ và các khái niệm còn lại, trong phạm vi bài báo này, chúng ta coi là cơ bản và sẽ không xem xét hơn nữa.

Lịch sử tư tưởng triết học, vấn đề bản chất của khái niệm là một vấn đề tranh cãi giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Hegen là người đã giải thích vấn đề trên dưới hình thức chủ nghĩa duy tâm khách quan. Trong tác phẩm của mình, Hegen đã bác bỏ quan điểm duy vật cho rằng: các khái niệm được hình thành và phát triển bởi con người. Khi nhận thức thế giới hiện thực xung quanh, con người đã sáng tạo ra các khái niệm. Theo Hegen trong quá trình sáng tạo của các khái niệm sản sinh ra thế giới các sự vật, sống trong các sự vật và tạo ra bản chất của các sự vật ấy (2).

Cũng theo Hegen, dưới hình thức chủ nghĩa duy tâm chủ quan, Cant cũng đã nhấn mạnh đến sự đối lập của khái niệm với hiện thực. Cant coi các khái niệm là những bước tiến thiên của giác tính, là những "tư tưởng không có hiện thực khách quan" (3). Còn những người theo chủ nghĩa thực chứng hiện đại cũng xem xét vấn đề này, họ coi các khái niệm là những biểu tượng trong ngôn ngữ lý thuyết của các học giả.

Đối lập với những quan điểm duy tâm chủ nghĩa, triết học Mác coi khái niệm là sản phẩm cao của quá trình con người nhận thức hiện thực khách quan, dựa trên cơ sở hoạt động thực tiễn. Chính Lênin, trong tác phẩm "Bút ký triết học" đã khẳng định: "Những khái niệm là những sản phẩm cao nhất của bộ óc, mà bản thân bộ óc là sản phẩm cao nhất của vật chất" (4).

Cho dù ở trình độ nào đi nữa, khái niệm về nội dung, nguồn gốc là khách quan, hình thức của nó là chủ quan, vì nó là sản phẩm của tư duy và tồn tại trong con người. Chính việc cần phải định hướng trong môi trường xung quanh để thực hiện các phương tiện để tồn tại đã đòi hỏi con người cần phải nhận biết những đặc tính của các đối tượng, tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng. Trên cơ sở đó, bằng các thao tác như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa v.v... Con người hình thành nên các khái niệm đầu tiên. Những khái niệm đầu tiên này còn mang tính chất giản đơn, thô sơ, kinh nghiệm. Mặc dù vậy những khái niệm này cũng có ý nghĩa to lớn trong đời sống con người và là điểm xuất phát để hình thành nên những khái niệm mới. Sự nhảy vọt về chất của các khái niệm gắn liền với sự phát triển của thực tiễn xã hội. Chính thực tiễn xã hội đòi hỏi các khái niệm không chỉ ở trình độ kinh nghiệm, mà còn ở cả trình độ khái quát các quy luật lý thuyết do nhận thức khoa học đem lại. Nhu cầu đó của thực tiễn xã hội đã dẫn đến sự phân công lao động xã hội - tách lao động trí óc ra khỏi lao động chân tay. Nhờ sự phân công này, xã hội xuất hiện những người chuyên lao động trí óc nên cứu thế giới xung quanh để hình thành nên các khái niệm khoa học và các phát kiến khoa học. Trong nhận thức khoa học, các khái niệm được hình thành bằng cách biến các tài liệu kinh nghiệm (các sự kiện khoa học) và qua các thao tác phân tích, tổng hợp; khái quát hóa, trừu tượng hóa; định nghĩa khái niệm v.v... Nhờ các thao tác này, con người ngày càng đi sâu nắm bắt những thuộc tính, đặc tính bản chất của các đối tượng. Nhưng, bản chất của sự vật thường ẩn dấu qua các hiện tượng nên việc nắm bắt bản chất của nó không phải một lần là xong, hoàn toàn "chiết mã" mà là một quá trình - như Lênin đã chỉ ra - đi từ hiện tượng đến bản chất, từ cấp 1 đến bản chất cấp 2 v.v... Do nhu cầu của thực tiễn và do bản thân đối

tượng phản ánh của khái niệm luôn ở trạng thái biến đổi, nên các khái niệm phải không biến đổi như các nhà triết học duy vật trước Mác và nhà triết học tâm chủ quan Cant quan niệm, mà thường xuyên biến đổi, hoàn thiện, liên hệ, hóa qua lại để phản ánh đúng đắn hiện tượng khách quan. Lênin viết: "Trong khái niệm của con người, những khái niệm này cũng phải được mài sắc, gọt rửa, dẻo, năng động, tương đối liên hệ với nhau, thống nhất trong những đối lập, để bao quát vũ trụ" (1). Trong lịch sử phát triển khoa học, chúng ta thấy có hàng các khái niệm được phát triển hoàn thiện, chính xác hơn. Ví dụ trong triết học khái niệm như "Vật chất", "Vận động", "Phát triển", "Không gian" v.v... Trong học có các khái niệm : "Ánh sáng", "Cấu trúc của vật chất", v.v... Trong sinh v có các khái niệm như "Di truyền", "loài" v.v...

Chính sự biến đổi, phát triển, liên hệ chuyển hóa của các khái niệm, nên việc biên soạn các khái niệm, chúng ta phải có quan điểm phát triển, lịch sử của Điều đó có nghĩa là trong việc biên soạn một khái niệm (nhất là các khái niệm tập của triết học) ngoài việc định nghĩa chính xác khái niệm, chúng ta cần phải ra sự phát triển của khái niệm ấy trong lịch sử triết học, chỉ ra sự liên hệ của những khái niệm khác cùng bậc.

Khái niệm cũng như các hình thức cơ bản khác của tư duy luôn gắn liền với ngữ, Mọi khái niệm đều được biểu thị qua một từ hay một tổ hợp từ xác định. qua một từ ta có các khái niệm như "Chất", "lượng", "Độ" v.v..., qua một tổ hợp "Hình thái kinh tế - xã hội", "Phương thức sản xuất", "Chủ nghĩa duy tâm tâm thư Theo quan điểm của triết học Mác, từ là cơ sở, là vỏ vật chất của khái niệm. Từ có từ các khái niệm không thể hình thành và cũng không thể sử dụng được. như giữa tư duy và ngôn ngữ, khái niệm và từ có sự thống nhất chặt chẽ với song đây là sự thống nhất bao hàm khác biệt, thậm chí giữa chúng có sự đối lập Sự khác biệt giữa khái niệm và từ thể hiện ở chỗ: Thứ nhất, khái niệm cũng như hình thức khác của tư duy có tính chung nhân loại, có bản chất tinh thần, có (ngôn ngữ) có tính khu vực, quốc gia và là hiện tượng vật chất tổng hợp của các cái, âm tiết, tồn tại khách quan, có thể cảm nhận được bằng các giác quan như thấy bằng thị giác, nghe thấy bằng thính giác. Thứ hai khái niệm phản ánh sự còn từ không phản ánh sự vật, mà thể hiện sự vật. Sự khác nhau này được thể qua các bằng chứng như sau: trong các hệ thống ngôn ngữ khác nhau, một khái có thể được biểu thị qua nhiều từ khác nhau. Ví dụ: khái niệm "Vật chất" chỉ th khách quan tồn tại đối lập với ý thức con người và được ý thức con người phản Trong tiếng Việt có từ là "vật chất", tiếng nga - "Materia", tiếng anh - "Material Ngoài ra, trong cùng một hệ thống ngôn ngữ, cũng có sự không đồng nhất hoà giữa từ và khái niệm. Điều đó thể hiện ở các hiện tượng ngôn ngữ như: từ - đồng và từ - đồng nghĩa. Ví dụ: từ "chất" trong hóa học, vật lý học với từ "chất" trong học là hai từ đồng âm nhưng không đồng nghĩa. Từ "thế giới vật chất" và từ "th khách quan" là hai từ đồng nghĩa, nhưng không đồng âm. Cuối cùng, sự khác biệt khái niệm và từ còn ở sự khác biệt giữa khái niệm và nghĩa của từ. Nếu như niệm phản ánh những thuộc tính, đặc tính bản chất, phổ biến của một lớp sự v nghĩa của từ có thể chứa cả những thuộc tính, đặc tính bản chất và cả không chất. Song cũng cần nhắc lại là có một số không lớn từ (hay tổ hợp từ) trong khoa học nào đó có sự đồng nhất hoàn toàn giữa nghĩa của từ và khái niệm, mà ta gọi là thuật ngữ khoa học. Đại đa số từ còn lại không biểu thị đơn nghĩa xác

niệm, mà thường là những tên gọi kinh nghiệm về các đối tượng. Chúng có thể biểu thị và có thể không biểu thị bản chất các đối tượng. Tính đa nghĩa của từ dẫn đến hiện tượng gọi là sự pha trộn khái niệm, "đánh tráo khái niệm", từ đó sinh ra những sai lầm trong phán đoán mà P. Bécơn gọi là "lầm lẫn nơi công cộng" (error in public). Cho nên, khi biên soạn các khái niệm cần tránh sai lầm này bằng cách xác định chính xác nghĩa của từ để biểu thị đúng đắn khái niệm.

Đối với mỗi khái niệm, bao giờ cũng có hai phần: nội hàm và ngoại diên. Nội hàm của khái niệm là toàn bộ những đặc tính cơ bản của các đối tượng được phản ánh trong khái niệm. Ví dụ: Nội hàm của khái niệm "vật chất" bao gồm những đặc tính cơ bản như:

Thực tại khách quan - tồn tại bên ngoài, độc lập với ý thức và

Được ý thức phản ánh.

Chúng ta cũng đã thấy bốn đặc tính (đặc trưng) cơ bản tạo thành nội hàm của khái niệm "giai cấp":

1) Các giai cấp là các tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.

2) Các giai cấp có mối quan hệ khác nhau về quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất;

3) Các giai cấp có vai trò khác nhau trong việc tổ chức lao động xã hội, và

4) Các giai cấp có những phương thức và qui mô thu nhập khác nhau về của cải vật chất.

Nội diên của khái niệm là toàn bộ những đối tượng có những đặc tính cơ bản thuộc nội hàm của khái niệm đó. Ví dụ: ngoại diên của khái niệm "vật chất" là toàn bộ những vật chất có các đặc tính và thực tại khách quan tồn tại độc lập bên ngoài ý thức và được ý thức phản ánh. Trong lôgic học, dựa vào ngoại diên người ta phân loại các khái niệm: 1) Những khái niệm có ngoại diên rộng. Ngoại diên của chúng chứa một yếu tố nào. Ví dụ: Khái niệm "Thượng đế", "Niết bàn" v.v... 2) Những khái niệm có ngoại diên đơn nhất. Ngoại diên của chúng chỉ chứa một yếu tố. Ví dụ: "Triết học Hy Lạp cổ đại", "Triết học Ấn Độ cổ đại"... 3) Những khái niệm có ngoại diên hẹp. Ngoại diên của chúng chứa hơn một yếu tố. Ví dụ: Khái niệm "Các nhà triết học Khai sáng", "Các nhà triết học cổ điển Đức"... Phần lớn các khái niệm triết học những khái niệm phức tạp có tính khái quát cao nên chúng là những khái niệm có ngoại diên rộng.

Mối liên hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm không tồn tại tách rời nhau, giữa chúng có mối liên hệ với nhau. Mỗi liên hệ giữa chúng thể hiện qua quy luật về mối liên hệ nghịch đảo giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm. Thực chất của qui luật này là khi nội hàm của khái niệm càng tăng, thì khái niệm có ngoại diên càng nhỏ và ngược lại. Ví dụ: Khi ta tăng thêm nội hàm của khái niệm "Chủ nghĩa duy tâm" bằng việc thêm những đặc tính nữa là "khách quan", chúng ta có khái niệm "chủ nghĩa duy tâm khách quan" có ngoại diên hẹp hơn ngoại diên của khái niệm "chủ nghĩa duy tâm". Ngược lại, khi ta thêm vào ngoại diên của khái niệm "chủ nghĩa duy vật trước Mác" bằng việc thêm vào nó những yếu tố như "chủ nghĩa duy vật Mác xít", chúng ta có khái niệm "chủ nghĩa duy vật trước Mác" có ngoại diên lớn hơn, nhưng nội hàm nhỏ hơn so với khái niệm "chủ nghĩa duy vật trước Mác". Quy luật về mối quan hệ nghịch đảo giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm là cơ sở lôgic của hàng loạt các thao tác như mở rộng khái niệm, thu hẹp khái niệm.

niệm, định nghĩa khái niệm.

Mở rộng khái niệm là thao tác logic đi từ khái niệm có ngoại diện hẹp, như hàm lớn đến khái niệm có ngoại diện rộng, nhưng nội hàm nhỏ. Mở rộng khái niệm diễn ra ở những trình độ khác nhau thể hiện quá trình con người đi sâu nhận bản chất bên trong các đối tượng. Ví dụ: từ cây thứ nhất là cây lúa, cây thứ hai là cây lúa, cây thứ ba cũng là cây lúa... Vậy tất cả là cây lúa. Chúng ta có khái niệm "Cây lúa" là cấp độ mở rộng thứ nhất. Cây lúa là hòa thảo, cây lè là hòa thảo, ngô là hòa thảo... Chúng ta đạt đến khái niệm "Hòa thảo" có cấp độ mở rộng thứ hai. Hòa thảo là thực vật, cây thân gỗ là thực vật, nấm là thực vật... chúng ta có khái niệm mở rộng thứ ba với khái niệm "Thực vật". Và cứ như thế chúng ta đạt đến khái niệm "Vật chất" ở cấp độ mở rộng cùng cực có ngoại diện rộng nhất nhưng nội hàm hẹp nhất.

Ngược lại với thao tác mở rộng khái niệm là thao tác hạn chế khái niệm. Hạn chế khái niệm là thao tác logic đi từ khái niệm có ngoại diện rộng, nhưng nội hàm hẹp đến khái niệm có ngoại diện hẹp, nhưng nội hàm lớn. Quá trình này cũng diễn ra ở những cấp độ khác nhau nhằm cụ thể hóa hơn nữa các khái niệm. Ví dụ quá trình hạn chế khái niệm "Xã hội" chúng ta chuyển sang khái niệm "Hình thái kinh tế - xã hội", từ khái niệm "Hình thái kinh tế - xã hội" chúng ta chuyển sang các khái niệm "Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến", "Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa", v.v...

Quá trình mở rộng khái niệm và hạn chế khái niệm bao hàm trong đó sự vận động nhất của nhiều thao tác như phân tích, tổng hợp, diễn dịch, qui nạp, khái quát hóa, trừu tượng hóa. Song thao tác mở rộng khái niệm giúp chúng ta đạt đến những khái niệm phản ánh những đặc tính bản chất thuộc tất cả hay hầu hết các đối tượng của khoa học đó nghiên cứu. Những khái niệm này được gọi là phạm trù. Có những phạm trù của các khoa học cụ thể bao quát một nhóm đối tượng nào đấy của hiện thực khách quan. Ví dụ: phạm trù "Di truyền" trong sinh vật học chỉ trong quan hệ với cơ thể sống chứ không phải toàn bộ thế giới vật chất. Các phạm trù triết học phản ánh những thuộc tính, đặc tính có tính phổ biến bao quát toàn bộ thế giới vật chất. Ví dụ các cặp phạm trù: "Cái chung", "Cái riêng", "Bản chất", "Hiện tượng", "Nội nhân", "Kết quả"... Các phạm trù của triết học có vai trò to lớn trong nhận thức khoa học. Chúng có quan hệ với các phạm trù của các khoa học cụ thể như là mối liên hệ giữa cái chung và cái riêng.

Vấn đề định nghĩa khái niệm là một trong những vấn đề rất quan trọng trong hình thức và logic biện chứng nghiên cứu. Trong mỗi khái niệm, như đã trình bày ở trên đều phản ánh những đặc tính bản chất của các sự vật hiện tượng và sự liên hệ giữa chúng. Việc bao quát những đặc tính bản chất trong khái niệm là nhờ thao tác định nghĩa khái niệm. Đây là thao tác rất phức tạp, vì để làm được điều đó chúng ta nhất thiết phải phân biệt được đâu là đặc tính cơ bản, đâu là đặc tính không cơ bản. Việc bao quát trong khái niệm những đặc tính cơ bản, logic biện chứng đòi hỏi chỉ ra những sự liên hệ tác động qua lại giữa những đặc tính ấy. Lenin đã trình bày một cách kiểu mẫu đòi hỏi trên trong việc định nghĩa những khái niệm triết học như "Vật chất", "Giai cấp"... Trong việc đổi mới một số khái niệm, thuật ngữ triết học tất yếu phải định nghĩa lại các khái niệm thuật ngữ ấy. Việc định nghĩa lại các khái niệm, khoa học các khái niệm, thuật ngữ không thể thực hiện được nếu như không chú ý những đòi hỏi trên của logic biện chứng.

tóm lại, thực tiễn xã hội và sự phát triển của khoa học hiện đại, đòi hỏi chúng ta đổi mới một số khái niệm, thuật ngữ. Đây là một việc không đơn giản. Song đạt được kết quả chúng ta không còn con đường nào khác là phải thực hiện yêu cầu mà lôgic học (nhất là lôgic biện chứng) đặt ra.

DIALECTICS WITH THE RENOVATION OF THE CONCEPT OF TECHNICAL TERMS

NGUYEN VAN TAN

From the philosophical perspective and making use of dialectical materialism and logical methods, the author has analysed in scientific method the process in which technical terms have been formulated, and has presented the methods of extending as well as clarifying concepts.

The arguments presented by the author are of suggestive nature that may give rise to new ideas on the methodology concerning the formulation of categories and concepts in Marxist-Leninist philosophy.

Xem "Bách khoa toàn thư triết học" NXB BKTT Liên xô, M.1983, tr.515 (tiếng Nga)

Xem Hegel - Bách khoa toàn thư các khoa học triết học.

TL, M.1974 tr.347 (tiếng Nga)

Xem Cant. Tuyển tập, T3, tr.202 (tiếng Nga)

V.I.Lênin - Bút ký triết học, NXBST, HN.1977, tr.185.